

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN CHÂN NGÔN

Nhập Mạn-đồ-la Cụ duyên Chân ngôn phẩm thứ hai: Phẩm trên đã tóm tắt các thứ tâm tướng, trả lời, phân tích tất cả trí tâm rồi, nhưng quả mâu nhiệm này do phương tiện nào mà có thể được đến?

Vì thế phẩm này, kể là nói thực hành phương pháp nhập Mạn-đồ-la, đầy đủ chi phần các duyên và Chân ngôn quan trọng, đều nói rộng ở trong đây. Ví như đã biết sữa có tánh đề hồ, liền bảo lấy đủ các đồ chứa phương tiện thu nhặt lại, vì từ duyên khởi, phải biết không khác mười câu Duyên sinh.

Lại nữa, trong kinh Thanh văn, lấy Tỳ-ni làm bí tạng, muốn lựa chọn người nhiều đức hạnh mới trao, nếu chưa phát sinh luật nghi thì không giúp người nghe tu tập; trong Đại thừa cũng lấy trì minh làm bí tạng, người chưa nhập Mạn-đồ-la thì không được đọc tụng thọ trì, đồng với trộm nghe bố tát lại với lấy tội nặng. Vì sao? Vì như người đời thương yêu nuôi dưỡng trẻ em, tuy tâm không lẫn tiếc, nhưng không trao cho chức tướng hay sao? Vì không biết vận dụng phương tiện nên chắc chắn làm tổn thương thể kia, nay pháp môn này cũng giống như vậy.

Tức tâm thành Phật chỉ thú khó biết, sợ chúng sinh đời vị lại xem thường pháp, không thể thưa hỏi Thiện tri thức, chưa được Tam mật gia trì, mà tâm mình bắt chước chấp văn, liền tự tu học, dụng nhiều công lực không thành tựu được gì, trở lại chê bai kinh này cho là không phải Phật dạy. Lại văn kinh này, có hai cách giải thích cạn lược và sâu xa. Ở trong giải thích sâu xa lại có cạn, sâu, họ liền mở văn xét tìm, vì không hiểu mật hiệu nên cho là nhân duyên sự tướng, tâm sinh kiêu mạn tự nói ta tu hành đạo chân chánh cần gì việc chú thuật? Do các nhân duyên như thế, nên chiêu cảm pháp nghiệp, trong vô lượng kiếp đọa vào đường ác; vì thế người tu học Chân ngôn, cần phải trước nhập Mạn-đồ-la, danh nghĩa Mạn-đồ-la ở dưới sẽ giải thích.

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ bạch Đức Phật rằng: Thật hiếm có! Bạch Thế-tôn! Nói các Đức Phật này tự chứng Tam-bồ-đề, pháp giới không nghĩa bàn vượt ngoài tâm địa, cho đến tất cả chi phần, thấy đều hiện ra ở thân Như lai, khắp cả mười phương, trở lại an trụ trong bản vị.

Kim Cang Thủ liền nương thân lực Đức Phật hiểu rõ văn trên, trước hết khen ngợi Đức Thế-tôn rất mâu nhiệm lạ lùng, do đầy đủ nhiều phương tiện mới có thể nói các Đức Phật này tự chứng Tam-bồ-

đề, cái gọi là tâm mình tự biết pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, vượt ngoài tất cả tâm địa, rõ ràng không có chỗ nương như người đời giở chân cất bước đều nương vào đất, Bồ-tát cũng giống như vậy, nương vào tâm tinh tấn tu hành, do đó gọi tâm này là đất, vì tâm còn có chỗ nương, nên chưa gọi là Chánh Biến tri.

Như lai đã vượt qua sự nhỏ nhiệm, nói rộng, tiến tới đều dứt, vì thế gọi là vượt lên tâm địa. Tuy rất ráo vắng lặng không thể dùng lời để tỏ bày nhưng có thể dùng các đạo phương tiện, vì các loài chúng sinh, như bản tánh tin hiểu mà giảng nói pháp, tức là dấu vết hiểu rõ tất cả trí tâm vô tận trang nghiêm. Pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận tức là dụ cho đài hoa sen, các đạo phương tiện dụ cho cánh hoa sen. Hiểu rõ văn này tuy giản lược, nhưng nêu lên diệu chỉ cả tông không đâu không khắp.

Thứ đến liền thỉnh Đức Phật, chỉ xin Đức Thế-tôn nói đến tu Chân ngôn, thực hành Đại bi thai tạng, sinh Đại Mạn-đồ-la vương. Nay tạm đem Thai Tạng làm dụ. Hành giả bắt đầu phát tất cả trí tâm, như cha mẹ hòa hợp nhân duyên, hạt giống thức gá vào trong thai, bấy giờ dần dần thêm lớn, vì thói quen khéo léo của hạnh nghiệp đã thành hình tượng, cho đến khi mới bắt đầu sinh ra, các căn trăm thể thủy đều đầy đủ, bắt đầu ở trong giòng họ cha mẹ sinh ra, giống như nương vào môn Chân ngôn, học đại Bi muôn hạnh tâm thanh tịnh hiện bày.

Lại đưa trẻ này dần dần đủ nhân, pháp, học các kỹ nghệ, kỹ nghệ đã thông đạt thì thực hành sự nghiệp, như ở trong tâm thanh tịnh, phát khởi phương tiện sửa sang đất tâm mình, tùy duyên lợi ích chúng sanh, cứu giúp chúng sanh do đó gọi là Đại bi thai tạng sinh.

Lại nữa, mới nhập vào Tịnh tâm Bồ-đề môn, thấy pháp rõ đạo, như hạt giống thức Ca-la-la, từ thất địa trở xuống ở trước, làm chỗ nuôi dưỡng đại Bi muôn hạnh, như trong thai tạng không có công dụng để dần dần học theo phương tiện của Như lai, như trẻ em đã sinh học tập các kỹ nghệ, đến tất cả trí địa của Như lai.

Như kỹ nghệ đã thành thì ra nghề, cho nên gọi là Đại bi thai tạng sinh, cũng là một lớp bí mật Mạn-đồ-la. Nay ví dụ hoa sen với nghĩa Mạn-đồ-la này, như sen ở trong lớp vỏ chắc, nhưng tánh của cành, lá, hoa đã rõ ràng đầy đủ, giống như hạt giống tâm của thế gian, từ đây dần dần thêm lớn, cho đến khi bắt đầu sinh chồi hoa thì đài sen quả thật ẩn kín ở trong lá, như tâm xuất thế gian còn ở trong uẩn, lại do tạng cây này bao bọc, không bị các duyên như gió lạnh làm tổn hại, nhị tua sắc sáng ngày đêm lớn tốt, giống như Đại bi thai tạng đã thành tựu rồi, ở

dưới ánh sáng mặt trời chiếu rõ nở tròn, như phương tiện đầy đủ. Nay trong đây, nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa Mạn-đồ-la, Tỳ-lô-giá-na.

Bản Địa thường tâm, tức là Đài hoa đầy đủ thể, quả đức đề hồ của Tứ Phật, Tứ Bồ-tát, như các báu đều thành, Kim cang mật tuệ, trí ấn khác nhau, nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, giống như tua hoa sen, đại Bi muôn hạnh, Ba-la-mật môn nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, giống như hoa ẩn núp, Vô lượng ứng thuận trong ba thừa, sáu nẻo, giống như gốc cành, nhành lá xen nhau phát huy, do đó các đức tròn đầy đủ khắp, nên gọi là Mạn-đồ-la. Nhưng do Như lai gia trì, nhờ đức của Phật tự chứng Bồ-đề, hiện tám cánh trong thai tạng thân, từ Kim cang Mật ấn, hiện tầng thứ nhất Kim Cang Thủ... Các đại quyền thuộc từ đại Bi muôn hạnh, hiện tầng thứ hai Ma-ha Tát-đỏa và các địa quyền thuộc; từ Phổ môn phương tiện hiện tầng thứ ba. Thân tất cả chúng sinh ưa thấy tùy theo loài: Nếu dùng Luân vương quán đánh phương thì tầng thứ ba như quan lớn trong nước, tầng thứ hai như quan tể tướng trong triều đình, tầng thứ nhất như các quan nhỏ giúp đỡ bên trong.

Thai như cúi xuống chấp tay làm lễ vua, cho nên đài hoa thường trí, làm Đại Mạn-đồ-la vương, nếu từ bản mà có ra tích thì từ trong thai mỗi môn, đều chẳng ra các môn lớp thứ nhất, từ mỗi môn lớp thứ nhất, đều chảy xa các môn lớp thứ hai, từ mỗi môn lớp thứ hai đều lưu xuất ra các môn của tầng thứ ba. Nếu thực hành từ nhân đến quả thì chỗ dẫn nhiếp thành tựu của tầng thứ ba, có thể thông suốt tầng thứ hai thì chỗ dẫn nhiếp thành tựu tầng thứ hai, có thể thông suốt tầng thứ nhất thì chỗ dẫn nhiếp thành tựu tầng thứ nhất, có thể thấy trong Thai tạng, nói theo đây thì các loài chúng sinh bản tánh tin hiểu, tuy là vô lượng, vô biên, nhưng pháp môn Mạn-đồ-la này, nghĩa lợi đã làm, cũng lại không có gì cả, cho nên nói vì đầy đủ cho vô lượng chúng sinh các đời vị lai kia nên thực hành làm cứu giúp an vui.

Kinh chép: Bảy giờ, Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, ở trong chúng hội, quán sát khắp rồi, bảo Chấp kim cang Bí Mật Thủ rằng: Nay Kim Cang Thủ! Hãy nghe kỹ, nay nói tu hành hạnh Mạn-đồ-la, đầy đủ pháp môn trí Nhất thiết trí trong đại hội này, tức là pháp giới Mạn-đồ-la thu nhiếp chúng sinh đáng độ, nay Đức Phật muốn nói hạnh sâu sắc bí mật, vì khiến không sai lầm đạo cơ nên dùng tuệ nhãn quán sát, tức là tuệ nhãn này đã gia trì, nên mầm lành đời trước đều khai phát giống như ruộng tốt đã gieo giống lành thì sẽ chịu được mưa đúng thời.

Tu hành: tiếng Phạm Na-da, tức nghĩa là Thừa, nghĩa Đạo, nghĩa là từ một niệm gốc lành cho đến thành Phật, ở trong khoảng thời gian

đó, mỗi địa đã nương pháp để thực hành Đạo, nên có tên chung là Na-da. Các Thiện tri thức trong Mạn-đồ-la, như tạo thừa sửa đạo và dắt dẫn người, chúng sinh nương vào tu hành, gọi là tu hạnh Mạn-đồ-la.

Hạnh này, tiếng Phạm là Thiết-lợi-da. Lại như văn dưới nói: Trước làm đệ tử sửa sang đất bằng, nếu luận việc ngoài thì tự như giải thích bình thường, nếu làm phạm phu chấp ngã điên đảo, chọn được một niệm hạt giống giữ trai, sửa tâm cho ngay thẳng, cũng gọi là trị địa, cho đến làm Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, dứt bỏ các cấu nhỏ nhặt và cha mẹ vô minh, cũng gọi là trị địa, nói theo đây thì văn kinh dưới mỗi lời về nghĩa trì địa, gồm có bao nhiêu lớp ví dụ như Mười câu duyên sanh, đều dần chuyển sâu không thể cùng tận. Chấp kim cang khởi thỉnh Phật như thế, Đức Phật trở lại dùng ấn này để lại dấu vết, sau mới giảng nói, vì thế nói đầy đủ pháp môn trí Nhất thiết trí, nếu địa này không đủ thì không thể khắp vì tất cả chúng sinh thực hành cứu giúp an vui.

Bấy giờ, Đức Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na, xưa vốn thệ nguyện thành tựu Vô tận pháp giới, độ thoát cõi chúng sinh không sót, tất cả Như lai đều cùng nhóm họp, dần dần chứng nhập đại Bi tạng phát sinh Tam-ma-địa, do Như lai khi xưa hành đạo Bồ-tát, lập thệ nguyện như vậy: Ta sẽ thành tựu tất cả pháp giới các Đức Phật, thấy đều độ thoát cõi chúng sinh không bỏ sót, nay điều nguyện đã tròn đầy, nhưng chúng sinh đáng độ không cùng tận, do chúng sinh không cùng tận, tức là pháp giới cũng không cùng tận.

Giới có ba thứ: Có chỗ nói pháp giới, tâm giới và chúng sinh giới; là pháp giới không có chúng sinh giới riêng, chúng sinh giới tức là pháp giới. Là tâm giới không có pháp giới riêng, pháp giới tức là tâm giới, phải biết ba thứ này không ba không khác, vì muốn chuyển giải thích nghĩa pháp giới, nên lại nói không bỏ sót chúng sinh giới, chúng sinh giới chưa được giải thoát tất cả, tức là pháp giới chưa được thành tựu đầy khắp, vì thế Như lai khuyên tu sự nghiệp, không có dừng nghỉ, tức là do nhân duyên bản nguyện này, nên tất cả Như lai đều cùng nhóm họp, như trong chúng Tăng có đại sự nhân duyên, đại khái như kết giới, thuyết giới thì chúng Tăng cùng nhóm họp đều cùng ấn, trì, vì một giới, một kiến, không nên riêng chúng. Nay sẽ nói đầy đủ pháp môn trí Nhất thiết trí cũng là đại sự nhân duyên của các Đức Phật, do đồng một bản thể, đồng một pháp giới cho nên thấy đều nhóm họp, cùng dùng thần lực che chở.

Dần dần chứng nhập: Như khi Vô úy đầu tiên, dùng chữ thanh quán tu hạnh Mạn-đồ-la. Thứ hai Vô úy, đối với hữu tướng quán tu hạnh

Mạn-đồ-la; Vô úy thứ ba, đối với tâm chỉ có uẩn không có ngã mà tu hạnh Mạn-đồ-la. Vô úy thứ tư, đối với pháp duyên tâm tu hạnh Mạn-đồ-la, Vô úy thứ năm, đối với tâm vô duyên tu hạnh Mạn-đồ-la, Vô úy thứ sáu, đối với tâm bình đẳng tu hạnh Mạn-đồ-la. Ly cấu địa trở lên, đều đối với tự địa quán tâm tu hạnh Mạn-đồ-la, lược đem hạnh vị chia ra, đã thực hành mười sáu lớp sâu cạn khác nhau, mỗi vị này tự có hạt giống tâm Bồ-đề, có nhân duyên Đại bi thai tạng thêm lớn, có nghiệp thọ dụng quả tuệ phương tiện như trước đã nói, từ mỗi môn đều lưu xuất ra các môn như thế, từ nhân đến quả thì ba mật phương tiện lần lượt khác nhau, dung mạo đến cùng như biển lớn tâm vương, mỗi vị không khác. Nay các Đức Phật trong mười phương đây vốn khi hành đạo Bồ-tát, đều nương vào một pháp môn, đến chỗ Nhất thiết trí địa, để nói lý do phát khởi các hạnh Phổ môn, đồng vào Đại bi thai tạng Tam-muội này, từ gốc để tu hành đạo, dần dần chứng nhập tất cả quán. Như khi Bồ-tát tu thiền đến định thứ chín, thuận nghịch, xuất nhập, định tán đều vượt khỏi, hăng hái dạo chơi tự tại, các Đức Như lai như vậy, lần lượt chứng nhập đại Bi Tạng phát sinh Tam-ma-địa, cũng giống như vậy, hoặc quán tất cả pháp giới, đem tất cả tâm làm một tâm, đem tất cả môn là một môn, nếu đem mười sáu lớp huyễn nghĩa này thì dọc ngang nhiếp chung mười hai bộ kinh, sẽ xoay vần vô tận.

Kinh chép: Tất cả chi phần của Đức Thế-tôn, đều xuất hiện trên thân thể Như lai. Trước khi hiện ra trang nghiêm tạng, mỗi thân trong Phổ môn đều trùm khắp mười phương, tùy theo nhân duyên mà ứng vật; nay muốn nói viên vị của Mạn-đồ-la thì phải y theo thể thượng, trung, hạ của thân Phật, từ rốn trở xuống hiện ra thân Đức sinh Thích-ca hiện đời thị hiện đồng với nhân và pháp, khác với hàng Nhị thừa và vô số chúng sinh trong sáu đường về sắc tượng, uy nghi, tiếng nói, tọa đàn và quyền thuộc của kia xoay vần khác nhau, khắp ở tám phương, như bản vị của các thứ Mạn-đồ-la thứ lớp mà trụ.

Từ rốn trở lên cho đến cổ họng thì sinh ra vô lượng chư Bồ-tát Thập Trụ, mỗi vị đều giữ thân Tam mật, cùng vô lượng quyền thuộc ở khắp tám phương, như bản vị của các thứ Mạn-đồ-la thứ lớp mà trụ. Nhưng trong đó tự có hai lớp: Từ tim trở xuống thì trì đại Bi vạn hạnh thập Phật sát vi trần chư đại quyền thuộc. Từ tim trở lên, là trì Kim cang Mật Tuệ Thập Phật sát vi trần nội quyền thuộc, hai loại trên đây gọi chung là Đại tâm chúng. Từ cổ họng trở lên cho đến đỉnh tướng Như lai thì xuất hiện tứ trí, tứ Tam-muội, quả đức thân Phật, tức tám thân này ở trong tất cả thế giới, đồ chúng, cõi nước, danh hiệu, thân nghiệp, các

việc thọ dụng thấy đều khác nhau, cũng trong tám phương, đến như bản vị của Mạn-đồ-la thứ lớp mà trụ.

Kinh chép: Vì kia từ khi mới phát tâm cho đến các Bồ-tát Thập địa: Nghĩa là khi vừa phát tâm Bồ-đề thanh tịnh, thấy Mạn-đồ-la này đã trùm khắp pháp giới, lên trụ ở tầng thứ hai, lại càng rộng càng sâu thực hành Thập chuyển để khai sáng, cho đến Địa thứ mười một sau đó chỗ thấy rất đầy đủ, như vậy an bày phần vị đã xong tức đều đến khắp mười phương, đối với tự pháp giới môn, thực hành chân ngôn sự nghiệp, thị hiện thứ lớp tiến tu, dạy truyền chúng chủ, tướng này hiện ra rõ ràng không ngăn ngại, văn dưới sẽ nói, chỉ mở ra tâm này thì làm cho danh tự lưu thông. Lại khiến khắp hiện thân tùy loại mà nói đều hiện thân Như lai, nói bản tích đều không thể suy nghĩ bàn luận, gia trì không hai, đâu muốn khiến riêng một pháp giới mà làm các thứ thân hình? Khi hành giả hiểu như vậy, quán Đức Phật Tỳ-lô-giá-na và ngạ quỷ, súc sinh, tâm kia bình đẳng không có suy nghĩ hơn thua, liền từ một môn mà nhập đều thấy tâm vương, vì thế đã làm Phật sự rồi.

Kinh chép: Đi khắp mười phương, trở lại nhập vào bản vị thân Phật, trụ trong bản vị mà trở lại nhập, ý nói tất cả phương tiện rốt ráo đều quy về một chỗ.

Kinh chép: Bấy giờ, Đức Thế-tôn lại bảo Chấp kim cang Bí Mật Chủ rằng: Nay Kim Cang Chủ! Hãy lắng nghe! Mạn-đồ-la vị, sơ A-xà-lê: từ đây về sau đến quán đảnh là dạy bảo xong. Kim Cang Thủ hỏi được bao nhiêu phước đức nhóm họp, mà bạch Phật rằng: Từ nay về sau con phải cúng dường cho thiện nam, tín nữ. Vì sao? Vì thiện nam, tín nữ kia, đồng thấy Phật, Thế-tôn. Đây nói nhập Mạn-đồ-la rất nhiều chi phần; lại từ đại lực Minh Phi đến cuối phẩm thứ hai, nói về chân ngôn quan trọng hành sự của duyên đàn. Trong đó rất nhiều chi phần; trước hết nói về chi phần A-xà-lê. Vì sao? Vì Phật dạy kinh này cần phải theo thầy lãnh thọ, không được nghe liền tu hành, nếu không có bậc minh sư thì chỗ truyền không có nơi gởi gắm.

Nhưng do hiểu hai thứ nghĩa, nên được gọi là A-xà-lê, nghĩa là chia ra cạn lược và sâu kín, nếu người quán trước, căn cơ chưa hiểu sâu thì thuận theo văn bình thường để giải thích; nếu đã thành tựu lợi căn trí tuệ thì nên giảng nói đầy đủ sâu kín mà dạy trao. Nay trở lại lấy hai phần này giải thích nghĩa A-xà-lê, nếu đối với các chi phần của Mạn-đồ-la này, cho đến tất cả chư tôn Chân ngôn thủ ấn quán hành Tất-địa, thấy đều thông đạt được truyền dạy quán đảnh đó gọi là A-xà-lê. Nếu vượt qua trái thuận tám tâm, chứng cảnh giới tịch nhiên đó gọi là A-xà-

lê. Nếu tâm vương đã tự tại, hiểu tự tâm vốn bất sinh thì gọi là A-xà-lê. Nếu sinh Cực Vô Tự Tánh Tâm, được vào hải hội Mạn-đồ-la như trên thì gọi là A-xà-lê.

Từ đây lại có hạnh sâu mười lớp, cho đến hiểu Tam mật trong người, rất sinh thệ nguyện quyết định, một bề chí cầu trí Nhất thiết trí, chắc chắn sẽ độ khắp chúng sinh trong pháp giới, tâm này giống như cây cờ, đó là người dẫn đầu cho người người làm theo; giống như hạt mầm là gốc rễ của muôn đức, nếu không phát tâm này, cũng như chưa gá vào Ca-la-la thì Đại bi thai tạng làm sao nuôi dưỡng, tự không thể kiến lập gốc lành, huống chi làm thầy người ư? Phải tóm tắt tất cả địa tự giải thích sâu kín, cho đến Tỳ-lô-giá-na, mới gọi là phát tâm rốt ráo vô tận pháp giới.

Kinh chép: Diệu Tuệ từ bi: Bát-nhã có hai thứ: Có cùng với sáu Ba-la-mật hòa hợp Bát-nhã. Trong đây ý nói câu đầu, tuệ này giống như gió mạnh, tâm có thể noi theo (bậc thầy) Ca-la-la, tâm khiến bách thể thành tựu. Hành giả vẫn có tuệ, cho nên sẽ khéo biết thông bát, phán quyết đúng, sai, đối với tất cả sự nghiệp Mạn-đồ-la động hợp khuôn phép, tâm không nghi ngờ, mới có thể làm A-xà-lê, tóm lại, nếu trí nghiệp tròn đầy đồng với Tỳ-lô-giá-na thì gọi là thâm hạnh A-xà-lê.

Từ bi, nghĩa là tâm thương xót đến tận xương tủy, các việc đã làm đều vì gây dựng cho chúng sinh, đều khiến cho thành tựu điều vui trong pháp giới vô tận, độ thoát khổ não trong chúng sinh giới không bỏ sót, nếu không có tâm này thì như thai tạng không thành, thì làm sao có chỗ nuôi dưỡng. Cho đến Tỳ-lô-giá-na vì bản nguyện nên trụ ở thế giới gia trì, hiện khắp bi sinh Mạn-đồ-la, đó gọi là Thâm bí A-xà-lê. Kiểm chung các nghề: nghĩa là các thứ tài nghệ tinh xảo khéo léo ở thế gian. Thanh Luận Nhân Luận chép: Mười tám Minh Xứ, sáu mươi bốn năng, các thứ toán số, phương được, quán tướng công xảo, duyên Mạn-đồ-la quan trọng đều không nhờ người, sẽ bắt đầu lần lượt vượt qua và thực hành không thiếu sót, sau đó mới có thể làm A-xà-lê.

Lại nữa, thực hành đúng pháp như thế, thấy đều không trái nghịch với tướng thật, gọi là các tài năng tinh xảo khéo léo. Lại nữa đối với tất cả đạo phẩm như tổng trì, Tam-muội môn, các Độ, bốn biện, bốn nhập, lực, vô úy... đều được khéo léo thì có thể làm thành bí mật Mạn-đồ-la, gọi là các tài nghệ khéo léo.

Khéo léo tu hành Bát-nhã ba-la-mật: Tức là tu sâu quán sát mười câu duyên sanh, thấy Trung đạo sâu xa, soi thấy không chẳng thật có,

việc ấy như trong Đại Bát-nhã có nói rộng. Nếu hành giả đối với văn tự quán tâm, khéo được thông đạt, xa lìa kiến chấp, mới đúng là người làm A-xà-lê ở thế gian.

Lại nữa, trí tuệ ở kiếp sơ vẫn cùng thực hành với hàng Nhị thừa, chẳng phải thâm Bát-nhã. Trí tuệ kiếp thứ hai vẫn cùng nghe với hàng Nhị thừa, cũng chẳng phải Bát-nhã sâu xa. Kiếp thứ ba trí tuệ Vô biên tâm sánh bằng hư không, tất cả hàng Nhị thừa không thể suy nghĩ bàn luận, mới gọi là Bát-nhã sâu xa, có khả năng thực hành bí mật hạnh A-xà-lê. Từ trong bí mật lại dần dần chuyển sâu, cho đến Đức Phật nói cho hàng Thập địa Bát-nhã thì cảnh giới kia không phải của Địa thứ chín, chỉ có Đại Tỳ-lô-giá-na được gọi là rốt ráo A-xà-lê.

Thông đạt ba thừa: Nghĩa là đối với ba tạng giáo Đại thừa, Tiểu thừa, giới về văn nghĩa kia, có khả năng hỏi đáp, có khả năng làm thầy thành tựu ba học, nhổ hết gốc ác tà kiến cho đệ tử, mới được làm A-xà-lê, nếu không như vậy, hoặc bị những luận sư khác bàn luận phá dẹp thì sự truyền pháp không có năng lực, sinh lòng bất tín cho người.

Lại tông của kinh này, rộng bao gồm tất cả giáo pháp của Phật, như nói chỉ có uẩn không có ngã, tâm xuất thế gian trụ ở trong uẩn, tức là nhiếp các bộ Trung thừa, Tiểu thừa ba tạng, như nói quán uẩn A-lại-da biết tự tâm vốn không sinh, tức là nhiếp các kinh nghĩa, tám thức, ba vô tánh, như nói Cực Vô Tự Tánh Tâm, mười câu duyên sanh, tức là nhiếp Hoa Nghiêm, Bát-nhã, các cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận đều nhập vào trong đó; như nói như thật biết tự tâm gọi là Nhất thiết chủng trí thì Phật tánh nhất thừa kho bí mật của Như lai đều vào trong đó. Tất cả lời Phật dạy, đều gồm nhiếp chỗ tinh yếu, nếu có thể giữ gìn tâm ấn này, rộng mở tất cả pháp môn, đó gọi là thông đạt ba thừa.

Lại nữa, môn Chân ngôn, ba thừa mật ấn đến ba Địa bình đẳng của Đức Phật, gọi là thông đạt ba thừa, cạn, sâu, số lớp như trước đã nói. Người khéo hiểu thật nghĩa chân ngôn, như môn Chân ngôn có các thứ chân ngôn, các thứ thân ấn, nhiều vị Bản Tôn cho đến đầy đủ nhân duyên, vật cúng, tất cả chi phần, thanh tự hình sắc, các tướng khác nhau, tùy theo việc mà phân biệt để hiểu tánh loại của kia, biết pháp như thế sử dụng để dứt các tai hại, sử dụng pháp như thế thì tăng thêm sự lợi ích, sử dụng pháp sẽ hàng phục được, như Trì Minh Tạng, Tô-tất-địa phân biệt nói rộng, đây là thông đạt thật nghĩa Chân ngôn. Vì sao? Vì tất cả Chân ngôn, đều là lời nói rất mâu nhiệm của Như lai. Như trong chân ngôn có chữ Chất-đa giải thích cạn chỉ gọi là tâm, nếu giải thích sâu thì

Chất: nghĩa là chữ ngăn, mang âm thanh Tam-muội.

Già: Nghĩa là không thay đổi, không thay đổi tức là Phật tánh. Phật tánh cũng gọi là Bát-nhã ba-la-mật cũng gọi là Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, thế nên định tuệ đầy đủ, chữ đa, nghĩa là tất cả pháp như như giải thoát không thật có, nếu nói tâm như vậy, mới gọi là lời nói rất nhiệm mầu.

Lại nữa, như thân ấn, tay trái nghĩa là Tam-muội, tay phải nghĩa là Bát-nhã, mười ngón tay nghĩa là Thập Ba-la-mật đầy đủ, cũng là nghĩa Nhất thiết trí, dụ cho năm luân như hình Bản tôn, nữ là Thiên định, nam là trí tuệ, màu vàng là thân Kim cang, mà trắng là từ bi, màu đỏ là Đại bi, màu xanh là Đại không, cho đến trong tất cả duyên, đều có nghĩa mé thật bậc nhất, đầu thế như văn sinh hiểu biết, nếu thông đạt nghĩa chân thật như thế, mới nên làm A-xà-lê, cũng y theo ba kiếp, mười Địa để nói về hạnh sâu.

Biết tâm chúng sinh: Do A-xà-lê khéo biết sử dụng thượng, trung, hạ của ba bộ, các thứ tánh khác nhau, và trụ Du-già, dùng phương tiện gia trì, có thể rõ biết tâm hành của chúng sinh. Nếu có người đến cầu pháp, sư nên nói rằng, ông hãy tạm ngồi chỗ nào đó, ta sẽ suy nghĩ, khi đó trì danh tự kia, vào trong nhà yên lặng như pháp trì tụng, quán nhân duyên kia, nhờ bốn tôn che chở, sẽ thấy tướng mạo. Nếu là ngoại đạo muốn đến trộm pháp, hoặc rình tìm dịp thuận tiện mà đến giả vờ làm người thân, bấy giờ bốn tôn hoặc hiện hình ngoại đạo... quán kỹ hình loại tự nhiên có thể biết, nên tìm cách đuổi đi nói rằng: Này thiện nam! Hễ là người cầu pháp, trước phải dứt bỏ tất cả tâm ác kiến giả dối.

Lại các Bồ-tát vì độ chúng sinh, có thực hành làm các khổ hạnh khó thực hành, ông nay đâu thế làm những việc khó làm này, lại tùy theo bản duyên mà làm lợi ích, nếu trong cảnh giới thấy bản tôn ở Mạn-đồ-la, thì dẫn đệ tử làm việc quán đảnh, hoặc nắm lấy trao cho, các tướng tốt như vậy thì nên thu nhiếp, trao truyền.

Lại nữa, nếu Bốn Tôn bỏ tướng màu gốc mà làm màu đỏ thì người đó tánh thường tức giận, màu đen thì nhiều si, màu vàng thì nhiều tham, màu trắng thì nhiều điều lành, màu tổng hợp thì nhiều vô ký, và ở trong Mạn-đồ-la, quán sát hoa đến chỗ nào, loại thượng, trung, hạ các tướng nhỏ nhặt, cũng có thể biết cơ tâm kia là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, nhưng đối với tướng ấy không nên chấp trước, cũng dùng mười câu duyên sanh mà quán sát, đối với việc như thế hiểu rõ tất cả, mới có khả năng gánh vác địa vị Thầy.

Lại nữa, giải thích sâu kín: Biết tâm chúng sinh tức là biết tâm

mình như thật, có thể biết tự tâm thì có thể biết rõ tâm người khác, như trong nhà có kho báu thì khéo xem xét kho báu của người khác, cho đến nhân duyên gốc ngọn của các căn tánh dục, chỗ động tác, nói rộng của tâm đều đều thông đạt rõ ràng, ấy gọi là thâm hạnh A-xà-lê. Người tin Phật Bồ-tát, A-xà-lê nói, tất cả pháp lành lấy Tín làm đầu, nên nói trước tiên, nay thuận theo Phạm Văn để tiện nói năng, gồm chung ở vị sau, không thứ tự mà nói. Nghĩa là tông này, khi bắt đầu vào pháp môn, ý rất cạn cợt khó hiểu, hơn nữa tướng thật ba thừa, đều xa lìa văn tự, nhưng chân ngôn thì cần phải miệng tụng văn Phạm, tâm cũng quán sát, hoặc chia chi tiết của thân phần cong thẳng giống như đũa giỡn, hoặc dùng nước quán đảnh, hoặc làm thành đàn lửa. Nếu muốn dùng tâm thức đo lường thì dấu vết gia trì lại không thể thấy, tự mình không có tin sâu thì làm sao không nghi ngờ được?

Lại hành giả này, đối với các duyên, sự tướng này, đều cho là đáng thực nên tin làm, nếu siêng năng cầu khổ nhiều như thế mà hiện đời chưa được lợi ích, bấy giờ liền tự suy nghĩ: do ta công hạnh chưa đến, hoặc do ba độc cấu nhiễm, hoặc chướng sâu dày, như giặt áo, tìm lửa, chỉ cần chờ nên bỏ giữa chừng thì tự sẽ thuần tịnh, mất thấy ánh sáng mà thôi, Lại phải suy nghĩ huyễn dụ, như các vị thuốc hòa hợp mà được bay lên hư không, tuổi thọ rất lâu, hạng trí tuệ lợi căn cũng không thể suy nghĩ biết được, chỉ cần khéo hiểu thuật kia thì không có gì không thành tựu. Do tâm tin sâu sắc thanh tịnh, xa lìa nghi ngờ, nên dần dần được pháp nghiệm hiện tiền, lại do pháp nghiệm hiện tiền, nên tín giải chuyển tăng không thể làm trở hoại; nếu không như thế thì giống như người không có tay, tụy vào trong kho báu nhưng không lấy được gì, huống ở địa vị A-xà-lê ư?

Lại nữa, chúng sinh trong một niệm tâm, có thân Như lai tuổi thọ dài lâu hào quang vắng lặng nhóm họp như biển, cho đến các Bồ-tát không lui sụt, lại cũng không thể biết, phải biết pháp này lại rất khó tin, vì thế trong Pháp Hoa, Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ ba phen thỉnh Như lai bốn lần răn dạy, sau đó mới giảng nói. Nay kinh này có phương tiện tu nhập, cho đến một đời có thể thành, nếu xét kỹ lãnh thọ không nghi, đến nơi đất tín, hoặc vượt qua tín giải mới gọi là thâm hạnh A-xà-lê, được truyền giáo quán đảnh khéo hiểu bức họa Mạn-đồ-la.

Quán đảnh có hai thứ: Nghĩa là đệ tự đối với pháp được quán đảnh rồi, tiến tu dần dần, cho đến thành tựu các đức A-xà-lê, bấy giờ được A-xà-lê vui mừng, lại vì tạo lập Mạn-đồ-la, thực hành truyền dạy quán đảnh, đúng như pháp khuyến dụ rằng: Nay Phật tử! Đối với Bí mật tạng,

ông đã thuận theo tu học, hiểu rõ ràng đầy đủ, có thể dạy bảo người khác, nay ông đã được thiện lợi, cho đến các Bậc Thánh Hiền cũng đều khen ngợi. Nay đã thực hành quán đảnh rồi, ông phải đem tâm chân tịnh giúp đỡ lưu truyền, khiến cho Bí mật tạng (kho tàng bí mật) của Như lai, không bao giờ diệt mất, như thế theo chỗ thích hợp với kia dùng mọi cách khuyến dụ rồi, liền nên vì người làm Mạn-đồ-la A-xà-lê.

Lại nữa, hành giả đối với Du-già, thành tựu các đức A-xà-lê, bấy giờ thâm hạnh A-xà-lê được khởi tâm Mạn-đồ-la, khi ấy đệ tử hiểu rõ, thấy được Đại Tỳ-lô-giá-na, lấy nước đại bi làm tâm quán đảnh, việc ấy ở dưới sẽ nói lại, cho đến khi đầy đủ địa Ba-la-mật, các Đức Phật trong mười phương hiện tiền quán đảnh trao cho chức vị Phật, đều gọi là được truyền giáo quán đảnh. Đã được truyền giáo quán đảnh, không nên là người cuối cùng làm mất hạt giống, phải nối tiếp sự nghiệp của thầy ở đời trước mà độ các đệ tử đây là phương tiện đầu tiên, phải hiểu hình vẽ bản đồ Mạn-đồ-la, cho nên kế là nói, nghĩa là mỗi phương vị, tướng mạo đưa ra các màu tô vẽ trang nghiêm đều nên tự làm việc kia, không nên nhìn người khác, mới có thể làm A-xà-lê.

Lại nữa, trong tâm Bồ-đề thanh tịnh, dùng tuệ phương tiện, vẽ thành vô tận trang nghiêm Đại Mạn-đồ-la vương mới gọi là thâm hạnh A-xà-lê, tánh kia hòa dịu, xa lìa ngã chấp. Ngã chấp này, Bản Phạm nói là chữ quán đảnh, A-xà-lê tương truyền rằng, nghĩa chữ này không tương ứng, phải nói lìa ngã chấp.

Tánh ấy điều hòa nhu thuận: Tức là an trụ trong oai nghi truyền giáo, trụ trong nhẫn nhục địa, nhu hòa khéo thuận mà không bạo ngược. Tuy giòng họ, sắc tướng, đa văn trí tuệ, đều vượt hơn mọi người, cũng không sinh tâm kiêu mạn, hay dùng tâm từ bi giúp đỡ khuyến dạy người mới học, cho đến giòng họ thấp hèn... cũng không có ý tưởng hèn hạ, tâm ganh tỵ chỉ một lòng dùng pháp tự điều hòa và nương vào pháp mà an trụ, điều hòa mềm mỏng như thế, tức là xa lìa ngã chấp, tức là xoay vần buông xả tướng.

Lại nữa, điều nhu là như nhiều lần nấu luyện toàn muốn để điều hòa, tùy người khéo léo không có gì không làm, nay hành giả rửa sạch tâm này, tất cả cặn bã đều hết, tùy theo người trí tuệ sáng suốt không gì không làm, do đó có thể trụ trong nhẫn nhục địa, tùy duyên ứng vật, lại pháp môn nhập đạo của các Đức Phật, Bồ-tát, giống như giòng họ cao sang. Pháp môn nhập đạo của các trời, rồng, quỷ, giống như giòng họ thấp hèn. Liền đem thân này làm Như lai Đại Nhật tướng hải tôn quý đặc biệt, như dung mạo bậc nhất, người ước mong không thể làm được,

dù chỉ bằng vết dơ rất nhỏ trong chiếc áo. Ở trong nhất tâm đều nghe các Đức Phật nói pháp, phân biệt không sai, gọi là học rộng, đối với người sáu căn tối tăm, lấp bít, gọi là nghe ít. Vô lượng trí tuệ tự nhiên khai mở, gọi là trí tuệ, vô minh ba độc gọi là ngu si. Vì các pháp cùng rớt ráo như thế, cho nên không được có tâm cao thấp, thế nên gọi là điều nhu, chỉ có một mình Đức Phật, mới được gọi là điều nhu, khéo trụ trong pháp A-xà-lê. Ở hạnh Chân ngôn khéo được quyết định.

Tìm xét trong các thứ phương tiện tạo lập Mạn-đồ-la, tâm được quyết định, xé rách các lưới nghi. Cái gọi là giữ thân như thế, kiết giới như thế, mời đón như thế, các phẩm vật đầy đủ cúng dường để dâng cúng như thế, do bắt ấn chân ngôn gia trì như thế cho đến trì tụng tâm tu, đến khi thành Tất-địa, cũng có thứ lớp vô lượng pháp, như thế đầy đủ ở văn dưới và trong thứ lớp cúng dường, không thể nói kỹ. Nếu khi hành sự mà cùng người khác chọn lựa trái ngược, mới trở lại để tâm quán sát, hoặc dùng gốc tìm kiếm, không gọi là khéo làm A-xà-lê.

Lại nữa, A-xà-lê đối với Du-già được quyết định, tùy theo việc làm, đều với tương ứng Tam-muội, như khi dâng cúng hoa thì tương ứng với hoa Tam-muội, trong đây bản tôn hiện ra rõ ràng, nếu khi dâng cúng hương, đèn, hương xoa, nước át-già... cũng tương ứng với hương Tam-muội cho đến hương nước Tam-muội, mỗi vị bản tôn cũng tùy theo việc hiện ra, như thế trong mỗi duyên, đều là nhập pháp giới môn, đều là thấy Thiện tri thức, xoay vần vận dụng đều tương ứng với lý, không còn gặp việc lưu lại mới bắt đầu thực hành quán, phải biết người ấy có khả năng làm A-xà-lê.

Nghiên cứu tu tập Du-già: nghĩa là đối với các việc của ba bộ Chân ngôn thượng, trung, hạ đều thành tựu, thông đạt tất cả, đều tương ứng với chánh lý, gọi là khéo tu Du-già. Lại đối với pháp dứt trừ tai họa thì có thể dùng phương tiện này hàng phục để tăng thêm sự lợi ích, hoặc trong pháp tăng ích thì có thể đem phương tiện này để hàng phục diệt trừ tai họa, đối với pháp hàng phục thì có thể dùng phương tiện này dứt trừ tai họa, tăng thêm sự lợi ích, tùy theo pháp kia mà có tương ứng, đều có thể khéo phân biệt, gọi là khéo tu Du-già. Lại ở trong Mạn-đồ-la, các vị bản tôn, Tam-muội, hình sắc, tự, ấn, tánh loại, oai nghi, và cúng dường thành tựu, khi vận tâm quán sát, phương tiện, đều đã tu tập tương ứng; chướng ngại và tướng Tất-địa trong đây cũng khéo hiểu biết, đó là có thể truyền pháp.

Lại nữa, Đại bi thai tạng phát sinh Tam-muội, có các thứ pháp giới môn, các bậc Thiện tri thức, như Đồng tử Thiện Tài lần lượt thừa

hỏi, hoặc pháp môn ấy đã khéo tu hành, nhưng các môn khác chưa thể tra xét học tập, nếu khi nhập Phổ môn pháp giới thì có thể ở trong nhất tâm tương ưng đầy đủ, ấy gọi là thâm hành A-xà-lê.

Trụ tâm Bồ-đề mạnh mẽ: Mạnh mẽ là suy nghĩ mạnh mẽ không hèn nhát. Sở dĩ cần tâm này, là vì hành giả Chân ngôn chưa thấy chân đế, đến nay sẽ có cảnh giới trái thuận, hoặc hiện ra các thứ hình sắc đáng sợ, hoặc làm phát ra những âm thanh lạ, cho đến rung động mặt đất, hoặc có đại lực Tỳ-na-dã-ca hiện ra làm trở ngại, bấy giờ tâm bình yên không lay động, không có lui sụt, nương giáo pháp để trừ sạch, như hành giả thấy tâm Bồ-đề thanh tịnh này có ý nghĩa lợi ích lớn, nếu vào sinh ra tử tự nhiên không có ý tưởng sợ hãi thì các việc ma kia không thể làm chướng ngại.

Lại khi chưa thấy tâm Bồ-đề, đối với Du-già thường có các tướng hiện. Khi đã chứng tâm Bồ-đề, thì biết ngày xưa vào thời gian nào đó có tướng như vậy, lại trong thời gian nào đó có sự tướng như vậy, đều là nhân duyên như thế, đều xem trước hình tướng kia mà biết được ngọn nguồn.

Lại nữa, khi hành giả chiếu soi thấy tâm sáng đạo thì trong vô tận đại nguyện được năng lực vững chắc, cho đến Tỳ-lô-giá-na, Kim sí điều đầu đàn, quán sát pháp giới đại hải như nhìn trong gương sáng, tung cánh chỉ, quán để bắt lấy trời, người, rồng, đó là tâm Bồ-đề mạnh mẽ.

Này Bí Mật Chủ! Pháp tắc A-xà-lê như thế, các Đức Phật, Bồ-tát đã khen ngợi, vì các đức đầy đủ, tức có khả năng lưu truyền Mật giáo không làm mất hạt giống Phật, ấy gọi là đệ tử chân chánh của Đức Phật, từ thực hành chân ngôn mà sinh ra, thường được chúng sinh khen ngợi. Nếu khi đệ tử tu hạnh Du-già có thể được trời, người, rồng, tám bộ như trên cung kính cúng dường, hoặc thấy các Đức Phật mười phương xưng danh hiệu kia khuyến phát nhiều người, như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bảo Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu pháp nhân duyên.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Nếu A-xà-lê kia thấy chúng sinh, có khả năng làm pháp khí xa lìa các cấu, có tín giải lớn, tín sâu hết sức mạnh mẽ, thường nghĩ đến lợi người, tức là trong chi phần A-xà-lê, nói về nghi thức nhiếp thọ đệ tử. Trong đây, chúng sinh có hai loại: hoặc đã phát tâm Bồ-đề, đã đến Thiện tri thức cầu thỉnh pháp Chân ngôn để tu hành, hoặc chưa phát tâm Bồ-đề, nhưng Thầy tự phân biệt xem xét, biết kia có khả năng làm pháp khí, có thể giữ gìn pháp ấy: hoặc đối với Du-già thấy căn duyên của kia; hoặc các Đức Phật, Bồ-tát dặn dò thêm, khiến thực hành quán đảnh mà trao dạy cho, hoặc tự thân thấy các bậc

Thánh vì kia làm pháp quán đảnh, sau đó phó chúc cho kia dạy bảo trao truyền, có tướng như thế mới có thể truyền pháp, như thức ăn dơ ở xóm nghèo, không thể đặt trong vật báu, thuốc quý của Luân vương thì người phước mỏng không thể uống được, vì không tiêu, hoặc có thể bị chết, phải tương xứng như nắp và hộp thì trao và nhận đều được thích đáng.

Lại như chiếc áo rách rất dơ bẩn thì không thể nhanh chóng nhuộm thêm màu sắc, trước phải dạy đem giặt, sau đó có thể dùng công vẽ thuốc nhuộm màu. Chúng sinh cũng như vậy, nếu trước thói quen nhiễm cấu thì không thể nhuộm màu sắc pháp giới, do đó phải xa lìa các cấu.

Có tín giải lớn: Tín giải ở đây, tiếng Phạm là A-tỳ-mục-đề nghĩa là hiểu biết đúng lý tâm không nghi ngờ, lo nghĩ, giống như đào giếng đã dần đến bùn, tuy chưa thấy nước nhưng chắc chắn biết đã gần nước, vì thế gọi là Tín giải.

Ở dưới nói tin sâu: tin này tiếng Phạm là Xả-la-đà, đó là tin nương việc, nương người, như nghe lời bậc trưởng giả, hoặc, bày ra việc thường tình, nhưng vì người ấy chưa từng lừa dối nên liền xem xét nương theo thực hành, cũng gọi là tin, cùng tin các Đức Phật và các Bồ-tát ở văn trên nghĩa đồng, bản chữ Phạm thì hai danh từ. Tiếng nhà Đường không phân biệt, đồng nói một danh từ là tín. Nếu người nghe nói pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận như trên, do gieo trồng gốc lành đời trước nên tinh thần sáng suốt, liền có thể thọ nhận lời kia, biết trong tâm chúng sinh chắc chắn có lý này, gọi là tín giải.

Lại đời trước đã có gần gũi Thiện tri thức, đối với Tam bảo có duyên sâu sắc, tuy chỗ không thể so sánh suy lường, nhưng có thể tin xa, vì thế gọi là thâm tín. Siêng năng mạnh mẽ là tên khác của Tinh tấn. Thích Luận chép: Ví như đào giếng đã thấy bùn ướt càng thêm tinh tấn chắc chắn được nước.

Lại như tìm lửa đã được thấy khói, lại thêm gắng sức thì chắc chắn sẽ được lửa, vì thế sau tín giải lại nói siêng năng mạnh mẽ. Vì sao? Vì nay trí tuệ tự nhiên này, cần nương vào Du-già, nhưng Du-già này, cần phải có năng lực tinh tấn rất lớn, do đó Thích Luận chép: Thiền định, trí, tuệ, không thể dùng phước để cầu xin, cũng không phải quán qua loa mà có thể được cần phải thân tâm tinh tấn, siêng năng khẩn thiết không biếng nhác mới có thể thành tựu. Như Đức Phật đã dạy, máu, thịt, mỡ, tủy đều hết sạch, chỉ còn da, xương, gân vẫn không bỏ tinh tấn, như thế mới được định tuệ, được hai việc ấy thì các việc đều thành tựu, vì thế phải có tinh tấn, mới được truyền trao.

Lại nữa, tinh tấn là nguồn gốc của tất cả pháp lành, có thể phát

động phước đức đời trước, như mưa thấm vào hạt giống mới khiến nó sống được, nếu không có tâm siêng năng mạnh mẽ thì dù có nghiệp đời trước đã trồng, cũng không do đâu phát khởi, cho đến đời nay lợi lạc còn không thể được hưởng chi đạo Bồ-đề? Thế nên do nhân duyên phát khởi thực hành liền được tín sâu, nhờ tâm tin sâu ấy mới có thể chí cầu pháp cao siêu để gánh vác chúng sinh, phải nuôi dưỡng Đại bi thai tạng cho được rộng lớn thêm, cho nên nói người có tánh thường nhớ nghĩ lợi người mới được truyền trao.

Lại nữa, A-xà-lê, đối với Du-già thấy các Đức Phật, Bồ-tát khen kia đủ đức như đây, hoặc thấy ở trước Thánh chúng tha thiết chí thành cầu xin đạo lý quan trọng, trải qua thời gian lâu dài mới không biếng nhác lui sụt, thế là làm việc lợi người, cứu giúp che chở chúng sinh, bồn tôn thương xót giữ lại để dạy truyền, so sánh các việc như thế, có thể dùng ý hiểu biết.

Lại thâm hạnh A-xà-lê sáu căn thanh tịnh, thấy nhân duyên chướng đạo, thành đạo từ vô lượng kiếp đến nay của kia, không có sai lầm; lại đối với chỗ Phổ môn Mạn-đồ-la căn duyên nhiếp hóa nhau, cũng đều biết rõ, mới gọi là khéo quán sát đệ tử.

Kinh dạy: nếu đệ tử đầy đủ tướng mạo như thế A-xà-lê phải tự đến khuyến khích nói lời dạy bảo thế này: Đây có hai nghĩa:

1. Dứt tâm nghi cho đệ tử, chỉ vì sợ kia thiếu trí, nghi hối thì bị mất hẳn, nhưng không vọng trao cho người, chắc chắn phải phù hợp mới truyền, tự phải tìm mà trao cho, không đợi kia đến cầu thỉnh.

2. Dứt tâm hẹp hòi của A-xà-lê, cho đến trong lửa lớn không xen hở, có thể lưu thông, cũng phải đi đến, hướng chi gặp duyên tốt cầu xin mà không ban ân sao?

Tiếp theo có năm bài kệ, nói về khuyến phát phương tiện kia. Bài kệ thứ nhất chép:

*Phật tử Đại thừa này
Hành đạo pháp Chân ngôn
Nay ta chính mở nói
Vì căn khí Đại thừa.*

Ý nói: Phật tử! Ông nên biết! Nay đạo lý phép tắc khuôn mẫu của Đại thừa này đã nương Chân ngôn thực hành, vì ông là Đại thừa độ lượng, có khả năng tin thọ, nay ta sẽ chân chính nói.

Kệ thứ hai chép:

*Đẳng Chánh Giác quá khứ
Cho đến đời vị lai*

*Các Thế-tôn hiện tại
Trụ lợi ích chúng sinh.*

Chư vị Thánh Hiền như thế hiểu diệu pháp Chân ngôn siêng năng mạnh mẽ đạt được chứng trí, ngôi Bồ-đề vô tướng, tức là mở bày tất cả phương tiện môn của các Đức Phật trong ba đời mười phương, chỉ do một Đạo thành Phật, không còn Đạo nào khác, vì Phật Phật đạo đồng, nay lại dẫn các Đức Phật chứng minh, việc ấy như trong kinh Pháp Hoa có nói rộng.

Lại nói trụ nhiều ích: nghĩa là rất nhiều lợi ích an vui chúng sinh, tức là chỗ Như lai trụ. Các vị Hiền: tức là Như lai, do Phổ Hiền hạnh nguyện đều dùng hết năng lực tròn đầy cho nên dùng để xưng gọi, đều do hiểu diệu pháp Chân ngôn này được siêng năng mạnh mẽ lớn rộng thành Nhất thiết trí, y theo kệ tụng tóm tắt văn, nói về chứng trí: Ngôi ở các pháp vắng lặng, tức là Bồ-đề, không phải đã thành, đang thành, sẽ thành, không có pháp đáng quán không từ người mà được, phải có tướng nào ư? Bồ-đề này không thể nói hoặc đem chỉ bày cho người, vì thế sau kệ lại dùng dấu vết bên ngoài để nói. Kệ chép:

*Thế Chân ngôn không sánh
Phá được lực lớn kia
Rất tức giận ma quân
Thích Sư Tử cứu đời.*

Ý nói, tuy không có tướng chắc chắn mà đầy đủ tất cả oai lực, có khả năng hàng phục ma quân, chống lại các ngoại đạo, mở cửa cam lồ, Chuyển xe pháp lớn, tất cả trời người thấy dấu vết như vậy, do đó hiệu là Thích-ca Như lai cứu giúp cõi đời, như thấy khói biết lửa, vì thế phải tin nhận. Bài kệ tiếp theo nói:

*Cho nên Phật tử người
Nên dùng tuệ như thế
Phương tiện làm thành tựu
Sẽ được Nhất thiết trí.*

Đó là khuyến khích hành giả khiến phát tâm cầu quả kia, nay ông may mắn, tự có tâm nào không chứng, chỉ cần đem diệu tuệ này để làm thành tựu, không bao lâu tự sẽ thành Nhất thiết trí. Văn trên, Kim cang Chủ hỏi thẳng Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, làm thế nào để chứng được trí Nhất thiết trí? Đức Phật cũng đáp thẳng: Như thật hiểu tự tâm, ấy gọi là trí Nhất thiết trí, nay trong đây, nghĩa dạy bảo truyền trao cũng đồng, nhưng vịn trực tiếp vào Bồ-đề vô tướng thì tiện khuyến khích tu chứng, lại không có hạnh vị khác nhau, có thể yên ổn ở trong đó, tuy phẩm

trước nói rộng các tướng, đặt ra các thứ tên gọi trang nghiêm, nhưng nói về tâm, xử thì ý đều như thế.

Kệ kinh chép:

*Hành giả bi niệm tâm
Phát khởi khiến rộng lớn
Kia thọ giáo vững trụ
Phải vì chọn đất bằng.*

Nói A-xà-lê đã được đệ tử, sau là nói về chi phần trị địa. Trong đây nói chữ hành giả, bản Phạm nói Chân ngôn giải, vì trong kệ không thể có sáu chữ, lấy ý lược bỏ văn. Văn hành giả Chân ngôn thường dùng pháp lành như thế để phát khởi tâm kia, liền giúp kia ý muốn dần được rộng lớn, biết kia trụ trong lời dạy bảo vững bền, không còn thay đổi, mới vì kia làm Mạn-đồ-la, hoặc ở trong Du-già thấy căn duyên của kia đã vững chắc, sau đó mới chọn lựa Địa. Đại bản Kim cang Đỉnh và kinh Tô-tát-địa... nói rộng về tướng Địa, nhưng đại ý kia thì nay ở thế giới này, tự không giống như các cõi nước thần nhiên bằng phẳng, tùy theo văn dưới sẽ nói trong các chỗ tốt đẹp, chọn lấy chỗ bằng phẳng trang nghiêm có thể làm đàn tròn, liền tiện cho sự tu hành không có gì chướng ngại, có thể đầy đủ sự việc.

Lại nữa, nay làm các đàn ở chỗ nào đều được như Phật Tỳ-lô-già-na tâm địa khắp mọi nơi đều ngay thẳng, mới làm đại Bi Mạn-đồ-la, chỉ tùy theo đã nói trong chỗ tốt đẹp, có một phần nhỏ bằng phẳng có thể làm chỗ thanh tịnh, liền ở trong đó mở ra Mạn-đồ-la muôn đức, tầng số sâu cạn Y theo trước giải thích rộng. Kệ chép:

*Núi rừng nhiều hoa, trái
Vui ý các suối trong
Các Đức Phật đã khen ngợi
Làm sự nghiệp đàn tròn.*

Trong các chỗ tốt đẹp, núi rừng là hơn hết, tuy nhiều núi chập chồng uy thế trang nghiêm sâu lớn vắng lặng, nếu không có hoa quả, suối chảy thì người không thích cho nên các duyên thiếu nhiều, cũng không thể dùng, vì thế phải có các thứ hoa đẹp quả ngon, gồm có cả suối ao trong sạch chỗ lòng người yêu thích, đó là chỗ Đức Phật khen ngợi, có thể làm sự nghiệp Mạn-đồ-la, hoặc hành giả ở trong Tam-muội thấy chỗ tốt đẹp như vậy, nếu nghe chỗ Thánh tôn khen nói, dạy làm ở chỗ kia, văn dưới lệ theo đó.

Lại nữa núi ấy, tiếng Phạm là Noa-già, nghĩa là bất động, nghĩa là trong A-xà-lê Du-già quán hành nhân này, trụ trong pháp Tứ tánh

đối với việc tốt tâm vững chắc không lay động, nói là cung kính thờ phụng bậc sư trưởng, hiếu thảo nuôi nấng cha mẹ... tùy theo có tám tâm hoa quả nảy mầm, có thể sinh ra pháp xứ thanh tịnh thì có thể kiến lập Mạn-đồ-la.

Lại nữa, tâm Bồ-đề thanh tịnh, an trụ lý chắc thật vững bền không lay động, gió lớn khắp tám phương không thể chuyển động, hoa quả đại bi phương tiện đầy khắp mọi nơi, thường tuôn ra tịnh pháp, lợi lạc chúng sinh, rất được các Đức Phật khen ngợi, là chỗ tốt để làm Mạn-đồ-la. Kệ tiếp theo chép:

*Hoặc ở nơi giòng sông
Các nhận ngỗng trang nghiêm
Kia nên làm tuệ giải
Bi sinh Mạn-đồ-la.*

Nếu không có danh sơn thì suối nước là kế đó, nghĩa là các chỗ giòng sông thường không dứt hẳn, chim đẹp tiếng hay bay lượn ca hát, trang nghiêm trong sạch xa lìa chỗ ồn ào náo nhiệt thì có thể làm đàn. Nhận không phải phiên dịch đúng. Bản Phạm nói là chim Bà-la-bà, hình dáng như chim Uyên ương nhưng lớn hơn, tiếng loài chim này rất thanh nhã, ở Trung Quốc không có, cho nên hội ý mà nói, tuy Thế đế Mạn-đồ-la nhưng cũng phải có tuệ giải, người trì Chân ngôn bèn có thể kiến lập, vì thế nói nên dùng tuệ giải để làm bi sinh Mạn-đồ-la.

Lại nữa, nước nghĩa là trôi chảy không dừng, tâm kia không ngưng đọng, thường hay tiến lên tốt đẹp, gọi là nước, sông phước không dứt gọi là Thủy. Do trước có thể an tâm để lý, người tự không thể được nhiều, chỉ khiến từ gốc tịnh chảy ra, đến ngay trong đó, liền có thể vận dụng trí tuệ vô ngại, sẽ kiến lập bi sinh Mạn-đồ-la. Âm thanh vi diệu của các loài chim nghĩa là có thể tuyên dương pháp lành, cũng là thường nhớ nghĩ lợi người nên là chỗ chúng sinh quay về, đều được vui mừng, khen ngợi ân đức của kia rất có tiếng tăm. Kệ chép:

*Chánh giác nhờ thấy đất
Bậc Thánh, chúng Thanh văn
Sẽ đến địa phận này
Phật thường hay khen ngợi.*

Nếu núi suối đất phước các bậc Thánh đã từng dạo qua, tự thuộc về điều trên, nay trong đây ý nói, tuy không phải chỗ tốt đẹp như trên, nhưng đó là chỗ các Đức Phật, Duyên giác, và đệ tử Thanh văn... đặc đạo Niết-bàn, hoặc ở lâu trong đó, lại là kế đó. Như ở phương Tây, tám tháp và di tích Thánh chúng ba thừa rất nhiều, đều là những bậc đại oai

đức, chư Thiên thường đến che chở, chiêm ngưỡng, lễ bái giống như chỗ hiện còn kinh Bát-nhã, các bọn quỷ nhỏ không dám ở lại, cho nên pháp hiệu nghiệm dễ thành. Phật đã ca tụng, nghĩa là như các vị Tiên ở núi, Thế-tôn huyền ký rằng, loài ở trong đó dễ được đạo.

Lại nữa, nếu người đã phát tâm Bồ-đề tức là chỗ đất các Đức Phật sinh ra, cũng là chỗ đắc đạo, Xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, cũng phải ở lâu trong đó, dùng bốn oai nghi rộng lợi ích chúng sinh, tuy chưa nghe bí tạng, nhưng được chỗ ba thừa cùng đi, cũng gọi là cát tường, nghĩa là quán sát tánh không, vô tướng vô tác, không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, đây là chỗ Nhị thừa thành đạo, nhập Niết-bàn, cũng là các chỗ trong kinh bản sinh, chỗ Bồ-tát xả bỏ thân mạng học Ba-la-mật, trong đó đều có thể làm Mạn-đồ-la.

Lại nữa, tự nói đã đắc Niết-bàn, sinh ý tưởng diệt độ, là chỗ của Thanh văn, Bích-chi-Phật dạo chơi, nếu người không được một bề cầu Bồ-đề thì phải bình trị trong đó và làm bi sinh Mạn-đồ-la. Kệ nói:

*Và các nơi chốn khác
Tăng phường, A-luyện-nhã
Ngoại trừ các Thánh tích
Chỉ theo phương, cõi nước
Các bậc phạm hạnh ở.*

Tăng phường, Tiếng Phạm là Tỳ-ha-la, Hán dịch là Chỗ ở, tức là chỗ ở nhiều phước. Bạch y vì những bậc có nhiều phước đức, vì các Tỳ-kheo mà xây dựng phòng nhà, giúp những vị giữ giới, tham thiền, học tuệ, để ngăn che các thứ không lợi ích như: gió, lạnh, mưa, nắng, để an tâm hành đạo, khiến bố thí phước đức cho đàn việt thọ dụng, ngày đêm thường chảy không có ngừng dứt, do đó gọi là trụ xứ.

A-luyện-nhã là chỗ ý ưa thích, để gọi nơi không-tịch mà hành giả ưa thích, hoặc chỉ một mình không có bạn, hoặc hai ba người, hoặc ở trong phòng nhỏ có hạn lượng bên ngoài chùa, do thí chủ xây cho, hoặc ở nơi đất trống dưới gốc cây, đều đúng.

Lại nữa, như lìa tâm Bồ-đề mà tu tất cả pháp lành, có chỗ nói, rộng làm đàn cúng thí, thọ vô lượng luật nghi, tu các thứ Thiên định, thọ trì mười hai phần giáo, suy nghĩ nghĩa lý, từ bi tinh tấn, hóa độ chúng sinh, đem các hạnh Vô mà dẫn dắt nên đều gọi là Vô Thánh tích. Tăng phường cũng giống như vậy, phạm, Thánh đồng ở, là chỗ sinh phước, cũng là kế đó. Trừ cộng Nhị thừa Bát-nhã, ngoài ra từ Thanh văn, Duyên giác, tất cả pháp môn, do đại Bi xa lìa mà tự tìm ra khỏi ràng buộc, đều gọi là Vô Thánh tích. A-lan-nhã xứ cũng có thể ở ngay

trong đó, chọn sửa đất bằng, họa làm Mạn-đồ-la. Kệ chép:

*Phòng đẹp lâu gác cao Các ao, vườn tốt
đẹp Nếu không được như trên
Đất phước không khiến dừng.*

Phải chọn lấy nơi tốt đẹp ở thế gian, nếu trang nghiêm thanh tịnh thì có thể tác pháp. Phòng là từ thời thượng cổ đến nay chúng sinh lấy đó làm chỗ dựa, không muốn khiến nếp gấp trong lòng hiện rõ, cũng có thể dùng che chở thân kia, giúp đỡ mình và người khác.

Lâu gác: là nhà lâu nhiều tầng rất cao ở phương Tây.

Ao: là cái ao trong sạch, có nhiều nước mọc các hoa, người và hàng phi nhân đều rất ưa thích.

Uyển: nghĩa là vườn rừng, nhiều danh hương dịu nhẹ, cỏ thơm, cây tươi tốt, vắng vẻ yên tĩnh, có thể ngăn cản sự ồn ào có thể để tâm rộng rang nghe nhận khát ngưỡng không nhầm chán.

Viên: là chỗ nhiều người vui chơi, nghĩa là người này tánh thường thương xót, thích làm việc từ cứu giúp, đều quy ngưỡng nương nhờ kia che chở, đây đều là chủng tánh Đại thừa, cũng có thể thành bậc thầy.

